

Đề án môn học

Kinh tế tài nguyên và môi trường

Đề tài:

*“Đánh giá giá trị chất lượng môi trường
tại khu di tích lịch sử Côn Sơn- Kiếp Bạc thông
qua phương pháp Chi phí du lịch.”*

LỜI MỞ ĐẦU

Trên thế giới, vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên đã sớm được các nhà kinh tế học quan tâm ngay từ thế kỷ 18. Khi xã hội càng hiện đại, càng phát triển thì mức độ tác động của con người lên nguồn tài nguyên thiên nhiên càng mạnh mẽ. Con người sử dụng tài nguyên là nguồn nguyên liệu đầu vào cho mọi hoạt động sản xuất để phục vụ cho nhu cầu ngày càng cao của mình. Chính vì vậy, vấn đề sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên trở thành vấn đề đáng quan tâm của toàn xã hội. Vào khoảng những năm 1960 – 1970, kinh tế học tài nguyên và môi trường ra đời nhằm nghiên cứu giá trị kinh tế của chất lượng tài nguyên môi trường cũng như những thiệt hại môi trường do các hoạt động sinh hoạt, sản xuất của con người gây ra. Kinh tế tài nguyên môi trường nghiên cứu mối quan hệ tương tác, quy định, phụ thuộc lẫn nhau giữa kinh tế và môi trường, lý giải và giải quyết các vấn đề môi trường từ góc độ kinh tế theo hướng đảm bảo cả ba mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Từ đó đưa ra được những góp ý bổ ích cho các nhà quản lý trong việc hoạch định chính sách phù hợp để sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, chất lượng môi trường tự nhiên và giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường.

Tìm hiểu môn học này, chúng tôi có một cái nhìn đầy đủ hơn về tài nguyên thiên nhiên cũng như giá trị chất lượng môi trường có thể lượng giá được bằng tiền. Từ đó thấy được giá trị sẵn lòng chi trả của con người để được hưởng thụ các cảnh quan thiên nhiên cũng như cho việc bảo tồn các giá trị của tự nhiên, các loài động thực vật để tạo nên những giá trị bền vững trong tương lai. Dưới góc nhìn của các nhà kinh tế, vấn đề tài nguyên môi trường được đánh giá cụ thể và đầy đủ hơn, tạo động lực thúc đẩy con người có trách nhiệm hơn đối với môi trường tự nhiên. Trong đề tài của mình, tôi đã sử dụng các kiến thức chuyên ngành để tìm hiểu về các giá trị của khu di tích lịch sử Côn Sơn và đánh giá các giá trị đó thông qua

phương pháp Chi phí du lịch. Tôi xin chân thành cảm ơn PGS. TS Nguyễn Thế Chinh và ThS Đinh Đức Trường đã giảng dạy và hướng dẫn chúng tôi thực hiện đề án môn học này.

A. Cơ sở lý luận của đề án:

1. Lý do chọn đề tài:

Hiện nay, khi kinh tế phát triển và nhu cầu sống của con người ngày càng được nâng cao thì vấn đề môi trường cũng trở thành vấn đề đáng quan tâm của toàn thể nhân loại. Nếu như cách đây mấy trăm năm chúng ta có thể sống trong một bầu không khí trong lành cùng với sự phong phú đa dạng của các loài động thực vật, các nguồn tài nguyên thiên nhiên thì ngày nay chúng lại trở thành những vấn đề cấp thiết đang được đưa ra và kêu gọi toàn thể nhân loại phải quan tâm, bảo vệ. Môi trường theo nghĩa rộng bao gồm đất, nước, không khí, cảnh quan,... và các nguồn tài nguyên phục vụ cho hoạt động sống của con người. Như vậy chính con người cũng là một yếu tố quan trọng tác động đến môi trường. Tất cả các nền kinh tế đều phải sử dụng các nguồn tài nguyên tự nhiên và môi trường để đảm bảo cho sự phát triển của nó. Con người tác động đến môi trường tự nhiên để phục vụ cho các nhu cầu của mình và ngược lại bất kỳ một sự biến đổi nào của môi trường tự nhiên cũng gây tác động ngược trở lại đối với nền kinh tế - xã hội. Đó chính là mối quan hệ chặt chẽ giữa kinh tế và môi trường tự nhiên. Giải quyết tốt mối quan hệ này con người mới có thể xây dựng một nền kinh tế phát triển bền vững vì theo Barry Field và Naney Olewiler: “Một nền kinh tế bền vững là nền kinh tế trong đó đầu tư vốn xã hội cho phép nền kinh tế tăng trưởng để thế hệ tương lai ít nhất cũng có được mức phúc lợi xã hội như thế hệ hiện tại, trong khi vẫn duy trì được sự lành mạnh của hệ sinh thái.” Như vậy ta có thể thấy môi trường là một yếu tố quan trọng trong hệ thống kinh tế và nền kinh tế sẽ không thể hoạt động bình thường nếu thiếu các yếu tố tài nguyên môi trường. Đó chính là lý do mà con người phải hết

sức quan tâm và ngày càng phải quan tâm nhiều hơn nữa đến các hoạt động của mình ảnh hưởng như thế nào đến môi trường và hạn chế tối đa những tác động có hại cho môi trường tự nhiên, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Việt Nam là một đất nước có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. Điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa cũng là một điều kiện thuận lợi cho việc hình thành nên những cảnh quan thiên nhiên đẹp, hệ sinh thái phong phú với nhiều loài động thực vật quý hiếm. Tuy nhiên, ngày nay vấn đề bảo tồn nguồn tài nguyên này cũng trở thành một vấn đề cấp bách đối với đất nước. Con người hưởng thụ nét đẹp của tự nhiên nhưng không phải ai cũng hiểu hết được giá trị mà nó mang lại. Đại đa số còn chưa nhận thức đúng mức, vẫn coi tài nguyên, môi trường là cái mà “thiên nhiên ban tặng”. Chính vì vậy, họ khai thác sử dụng để phục vụ tối đa cho nhu cầu của mình mà không nghĩ đến việc gìn giữ, bảo tồn các giá trị tự nhiên. Một nguyên nhân cơ bản của tình trạng này là giá trị của tài nguyên thiên nhiên thường bị ẩn sau một số giá trị khác, hàng hóa chất lượng môi trường chưa được định giá trên thị trường.

Khu di tích lịch sử Côn Sơn là một địa điểm thu hút nhiều khách tham quan du lịch với vẻ đẹp của núi rừng, của các loài thực vật phong phú cũng như vẻ đẹp của văn hóa, lịch sử. Giá trị mà di tích này mang lại cũng cần được đánh giá đúng mức để mỗi du khách đến đây cũng như người dân sống ở khu vực này nhận thức được và có trách nhiệm bảo tồn, gìn giữ.

Đó là lý do mà tôi lựa chọn đề tài: “Đánh giá giá trị chất lượng môi trường tại khu di tích lịch sử Côn Sơn – Kiếp Bạc thông qua phương pháp Chi phí du lịch”

2. Phương pháp sử dụng:

Để đánh giá giá trị hàng hóa môi trường, các nhà kinh tế đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau. Các phương pháp này có thể được sử dụng kết hợp với

nhau để đạt hiệu quả cao hơn trong quá trình đánh giá. Có thể chia các phương pháp thành hai nhóm lớn:

- Phương pháp không sử dụng đường cầu: Là các phương pháp mà khi đưa vào đánh giá không cần thiết phải sử dụng mô hình hàm cầu mà người ta dựa trên những nguyên lý để đánh giá kết hợp với dựa trên cơ sở các kỹ thuật đánh giá. Phương pháp này thật sự rất có ích cho quá trình hoạch định chính sách. Nó bao gồm 5 phương pháp sau:

- + Phương pháp liều lượng đáp ứng.
- + Phương pháp chi phí thay thế.
- + Phương pháp chi phí cơ hội.
- + Phương pháp lập mô hình lựa chọn (CV – Choice Modeling)
- + Phương pháp dựa vào hàm sản xuất.

- Phương pháp sử dụng đường cầu: Về bản chất, đây là phương pháp mà người ta sử dụng hàm cầu dựa trên nguyên lý là hàm lợi ích có được từ sự bằng lòng chi trả của người dân để thỏa mãn một nhu cầu nào đó về hàng hóa và dịch vụ. Nó bao gồm 3 phương pháp sau:

- + Phương pháp chi phí du lịch (TCM – Travel Cost Method)
- + Phương pháp đánh giá theo giá trị hưởng thụ (HPM – Hedonic Pricing Method)
- + Phương pháp đánh giá ngẫu nhiên (CVM – Contingent valuation Method)

Trong đề án này tôi lựa chọn sử dụng phương pháp Chi phí du lịch để đánh giá giá trị chất lượng môi trường tại khu di tích lịch sử Côn Sơn. Chúng ta có thể dựa vào cái cách con người đi du lịch để từ đó tính được chi phí mà họ sẵn sàng bỏ ra để có thể được hưởng thụ vẻ đẹp tự nhiên. Đó chính là giá của hàng hóa chất lượng môi trường và trên cơ sở đó có thể xây dựng được đường cầu cho cảnh quan môi trường này.

3. Phương pháp chi phí du lịch (TCM):

Đây là một trong những phương pháp đầu tiên các nhà kinh tế học môi trường dùng để đánh giá nhu cầu hưởng thụ cảnh quan môi trường. Phương pháp này dựa trên cơ sở những điểm du lịch có sức hấp dẫn đối với khách thường là những điểm có chất lượng môi trường tốt và để đánh giá chất lượng môi trường đó người ta dựa vào khách du lịch. Chính vì vậy về mặt nguyên tắc đối với phương pháp này, nhu cầu về giải trí sẽ bằng nhu cầu về chất lượng môi trường tại khu vực cần đánh giá.

Bản chất của phương pháp TCM là sử dụng chi phí du hành làm đại diện cho giá. Mặc dù chúng ta không quan sát được con người mua các đơn vị hàng hóa chất lượng môi trường nhưng chúng ta lại quan sát được cách họ đi du lịch để hưởng thụ tài nguyên môi trường. Đi du lịch là tốn tiền và cũng tốn thời gian. Các chi phí du hành này có thể làm đại diện cho cái giá mà con người phải trả để hưởng thụ cảnh quan môi trường. Từ đó, có thể sử dụng phương pháp này để xây dựng đường cầu cho các cảnh quan môi trường này. Chúng ta có thể điều tra, thu thập các số liệu về chi phí của du khách khi đi du lịch như chi phí ăn uống, đi lại, ... để ước lượng được mức sẵn lòng chi trả của du khách cho hàng hóa chất lượng môi trường.

3.1 Các bước thực hiện phương pháp TCM:

Bước 1: Chọn vị trí cần đánh giá chất lượng môi trường mà vị trí đó phải đảm bảo được điều kiện tự nhiên, môi trường tốt để thu hút được nhiều khách du lịch lui tới như công viên, khu vui chơi giải trí hay khu vực tự nhiên hoang dã,... Các địa điểm có thể có các biến số về chất lượng môi trường khác nhau.

Bước 2: Xây dựng hệ thống phiếu điều tra, đánh giá, bảng hỏi để điều tra khách du lịch trong đó những thông tin cơ bản của bảng hỏi cần được thể hiện thông qua các yếu tố ràng buộc, Chúng ta hỏi khách du lịch về:

- + Họ tới từ đâu (thành phố nào, nước nào)
- + Số lượng khách trên một phương tiện chuyên chở tới.

- + Phương tiện chuyên chở (ô tô, máy bay, xe đò)
- + Tổng thời gian đi đến và ở lại tại địa điểm.
- + Tần suất du lịch, thời gian của chuyến đi.
- + Các đặc điểm kinh tế xã hội.
- + Chi phí du hành trực tiếp (Chi phí di chuyển, thức ăn, chỗ ở).
- + Mục đích đi du lịch, sở thích du lịch.

Trong hệ thống bảng hỏi phải đặc biệt chú trọng 2 yếu tố đó là quãng đường mà khách du lịch tới vị trí đánh giá là bao xa và hàng năm khách du lịch (người được phỏng vấn) thường lui tới vị trí đánh giá bao nhiêu lần. Như vậy bảng hỏi đã thể hiện được đầy đủ các yếu tố ràng buộc liên quan và nó chính là cơ sở cho những kiểm định sau này trong thống kê để xác định xem kết quả là có ý nghĩa hay không

Bước 3: Tiến hành phân loại khách du lịch. Việc phân loại này về cơ bản phải căn cứ vào yếu tố khoảng cách và phải phân chia theo vùng, những người có cùng khoảng cách sẽ được đưa vào cùng một nhóm.

Bước 4: Ước tính chi phí đi lại và số lần đi tới của từng nhóm trên cơ sở đã phân nhóm ở bước 3. Chi phí của toàn bộ chuyến đi sẽ bao gồm vé vào cổng, chi phí ăn uống, chi phí nghỉ ngơi, chi phí thời gian và chi phí đi lại.

Tổng chi phí này được xác định theo công thức:

$$P = e + f + ac + w(t_1 + t_2) + ct$$

Trong đó: e (entrance fee) là vé vào cổng

f (food and drink) là chi phí ăn uống

ac (accomodation) là chi phí nghỉ ngơi

w (wages) là thu nhập bình quân

t₁ là thời gian đi trên đường

t₂ là thời gian lưu lại điểm giải trí

ct (cost of transport) là chi phí phương tiện giao thông

Bước 5: Xác định mối quan hệ giữa chi phí đi lại và số lần lui tới vị trí đánh giá từ đó có thể xây dựng hàm cầu.

$$V_i = V(\text{TC}_i, \text{POP}_i, S_i)$$

$$\text{Hay } \text{VR}_i = V(\text{TC}_i, S_i)$$

Trong đó: V_i là số lần đến thăm từ vùng i tới điểm du lịch

POP_i là số dân của vùng i

S_i là các biến kinh tế xã hội khác

3.2 Đánh giá phương pháp TCM:

**** Ưu điểm:***

- Phương pháp này thuận lợi cho việc tiến hành đánh giá ở những nơi có lượng khách đông. Nếu việc điều tra, phỏng vấn khách quan và đúng quy trình thì sẽ hỗ trợ tốt cho việc hoạch định chính sách.

- Đây là phương pháp phù hợp với lý thuyết cũng như thực tế vì việc đánh giá giá trị môi trường thông qua hưởng thụ là chính xác và cần thiết.

- Là phương pháp dựa trên đường cầu nên nó phù hợp với các nhà kinh tế, đưa ra cách nhìn dễ tiếp cận thông qua các công thức, mô hình.

**** Hạn chế:***

- Chi phí về thời gian: Khi đánh giá TCM yếu tố thời gian có một vai trò hết sức quan trọng chẳng hạn như trong thời gian khách đi du lịch, nghỉ làm thì trong thực tế, liệu ngày làm việc ấy có được tính trong giá trị hay không.

- Một hành trình có thể có nhiều chuyến tham quan: Thông thường khách du lịch thường đi theo lộ trình hoặc theo tour nhưng khi đánh giá lại phải đánh giá ở một vùng cụ thể. Vì vậy điều quan trọng là phải bóc tách được những chi phí này. Nếu không được xử lý phù hợp, kết quả đem lại có thể sẽ không chính xác và sẽ phản ánh sai giá trị chất lượng môi trường.

- Các cảnh quan thay thế: Trong nhiều trường hợp việc chúng ta xác định địa điểm đánh giá trong đó giá trị chất lượng môi trường có thể được thay thế bằng cảnh quan khác thay vì cảnh quan chúng ta cần đánh giá.

- Trong thực tế, có nhiều du khách thay vì thường xuyên đến để thưởng ngoạn chất lượng môi trường đã quyết định mua nhà ở khu vực này để ở. Ngoài ra, trường hợp những người sống ở xung quanh khu vực đánh giá tuy không mất chi phí đến để thưởng ngoạn nhưng họ vẫn đánh giá rất cao chất lượng môi trường tại khu vực đó. Đây là vấn đề rất khó có thể lượng giá được chi phí trong quá trình nghiên cứu.

Mặc dù còn nhiều hạn chế nhưng phương pháp TCM vẫn được sử dụng khá phổ biến trong kinh tế học để lượng giá giá trị của hàng hóa chất lượng môi trường.

B. Cơ sở thực tiễn:

1. Giới thiệu về khu di tích lịch sử Côn Sơn – Kiếp Bạc:

1.1 Điều kiện tự nhiên:



Côn Sơn còn gọi là dãy núi Kỳ Lân, là một dãy núi ở về phía Đông Bắc huyện Chí Linh. Phía Tây – Nam là bãi giẽ (còn gọi là thanh hao rộng mênh mông dưới chân đồi) và xóm núi Tiên Sơn, phía Bắc giáp núi Ngũ Nhạc, Phía Tây tiếp nối núi U Bò với một vùng thung lũng xanh biếc. Phía Đông là chùa và hồ Côn Sơn. Đứng ở Côn Sơn nhìn về phía Đông Bắc là một quả núi hình hoa sen quanh năm tươi tốt có tên là núi Bài Vọng - nơi an nghỉ của cụ thân sinh Nguyễn Trãi.

Côn Sơn là một vùng núi đất và sỏi kết, cao xấp xỉ 200m, rộng trên 1km², thuộc xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh, Hải Dương. Đây là một huyện có địa hình đa dạng, phong phú, có diện tích đồi núi, đồng bằng xen kẽ, địa hình dốc bậc thang từ phía Bắc xuống phía Nam. Toàn huyện có 14.470 ha đất đồi rừng, trong đó rừng trồng khoảng 1.208 ha, rừng tự nhiên là 2.390 ha. Rừng tự nhiên có nhiều loài gỗ quý, nhiều loài động thực vật đặc trưng cung cấp nguồn dược liệu cho y học. Khi đến thăm Côn Sơn, ngay từ lúc bước vào cổng ta cũng có thể thấy một khu vườn rộng lớn có tên vườn cây thuốc nam. Rừng thông ở Côn Sơn cũng chiếm một phần diện tích lớn trong cả huyện. Ngoài ra còn có các rừng bạch đàn, keo tai tượng. Rừng thông ở Côn Sơn được đánh giá là đẹp và lớn nhất trong tỉnh. Đến Côn Sơn, du khách có thể được tận hưởng cảm giác thoải mái, mát mẻ khi đứng giữa một thung lũng được bao quanh bởi màu xanh của rừng thông. Ở Côn Sơn không chỉ có vẻ đẹp của rừng cây mà còn mang cả vẻ đẹp của hình sông, thế núi.

Nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai mùa rõ rệt, mùa đông lạnh hơn một chút so với các vùng đồng bằng lân cận, khu di tích này được thiên nhiên ban tặng cho những vẻ đẹp tự nhiên đặc biệt. Vẻ đẹp Côn Sơn được ví như cảnh tiên với tiếng suối róc rách, hoa trái như gấm mang sắc hương quyến rũ lòng người. Cách Côn Sơn một quãng ngắn là đền Kiếp Bạc nằm trong thung lũng rộng, nơi gắn liền với tên tuổi vị anh hùng Trần Hưng Đạo.

1.2 Giá trị văn hóa - lịch sử:

Côn Sơn là một di tích văn hóa nổi tiếng đất nước, được trùng tu xây dựng tôn tạo năm 1304. Ngay từ thời Trần, chùa Côn Sơn là một trong ba trung tâm của thiền phái Trúc lâm cùng chùa Yên Tử và chùa Quỳnh Lâm. Mảnh đất này đã từng gắn bó với tên tuổi và sự nghiệp của nhiều danh nhân đất Việt như Trần Nguyên Đán, Chu Văn An và đặc biệt là người anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi. Nằm trong quần thể khu di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc, khách du lịch có thể đi thăm nhiều chùa chiền, nhiều cảnh vật mang đậm màu sắc lịch sử như Chùa Hun, Giếng Ngọc, Am Bạch Vân, Bàn cờ tiên,... Lễ hội Côn Sơn – Kiếp Bạc bắt đầu vào ngày 16-8 âm lịch và kết thúc vào ngày 20-8 âm lịch là lễ hội rộn ràng, mang ý nghĩa lịch sử, giáo dục sâu sắc thu hút hàng vạn khách du lịch từ nhiều nơi của Tổ quốc.

1.3 Kinh tế - Xã hội:

Khu di tích lịch sử Côn Sơn nằm trên địa phận hành chính của huyện Chí Linh. Huyện được chia thành 3 thị trấn (Sao Đỏ, Phả Lại, Bến Tắm) và 17 xã trong đó có 13 xã, thị trấn là miền núi, chiếm 76% diện tích và 56% dân số của toàn huyện. Theo số liệu năm 2002, dân số của huyện là 146.752 người trong đó có 71.925 người đang làm việc trong các ngành. Lao động vẫn chủ yếu tập trung ở các ngành nông, lâm nghiệp (55.855 người chiếm 77.66%), lao động công nghiệp xây dựng là 7.767 người và dịch vụ là 8.273 người. Đây là một huyện có nền kinh tế tương đối phát triển với 120 cơ quan đơn vị, nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp. Nằm trong vùng tam giác kinh tế Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, huyện có được ưu thế là đường giao thông thuận lợi, tạo điều kiện giao lưu kinh tế với các vùng lân cận.

1.4 Thực trạng du lịch:

Di tích – danh thắng Côn Sơn được thiên nhiên ưu đãi kết hợp với lịch sử oai hùng đã tạo nên những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, nhiều lễ hội đặc biệt có giá trị đối với hoạt động du lịch. Hàng năm lượng du khách đến với khu di tích này càng ngày càng tăng. Nhà nước cũng tăng cường đầu tư xây dựng tôn

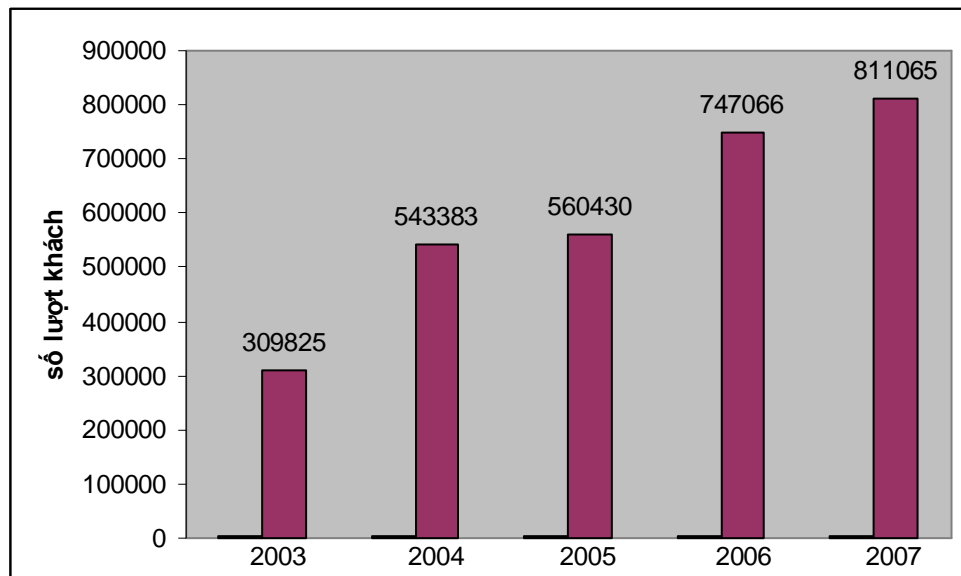
tạo chùa chiền, xây đền thờ Nguyễn Trãi càng tạo điều kiện thu hút khách du lịch. Lượng khách du lịch đến đây từ năm 2003 đến năm 2007 được tổng hợp qua bảng sau:

Bảng 1: Lượng khách du lịch đến khu di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc qua các năm

Năm	Số lượt khách
2003	309825
2004	543383
2005	560430
2006	747066
2007	811065

Nguồn: Ban quản lý khu di tích Côn Sơn

Biểu đồ lượng khách du lịch đến khu di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc qua các năm 2003 - 2007



Nguồn: Ban quản lý khu di tích Côn Sơn

Ta có thể nhận thấy lượng khách đến khu di tích đã tăng lên rõ rệt trong khoảng từ năm 2003 đến 2007.

Khách du lịch đến đây trước hết sẽ được hướng dẫn viên giới thiệu đầy đủ về lịch sử và những nét đẹp văn hóa cũng như những chiến công của các vị anh hùng trong quá khứ. Đó là điểm nổi bật thu hút khách của khu di tích này bên cạnh vẻ đẹp của thiên nhiên hùng vĩ.

Xung quanh khu di tích cũng có nhiều khách sạn, nhà nghỉ đầy đủ tiện nghi cho khách du lịch có thể lưu trú lại như Khách sạn hồ Côn Sơn nằm giữa một hồ nước mênh mông với bầu không khí trong lành, mát mẻ hay Khách sạn Công Đoàn. Ngoài ra còn nhiều khách sạn tư nhân khác ở quanh khu vực thị trấn đáp ứng đầy đủ nhu cầu nghỉ ngơi của khách du lịch.

Như vậy, trong phần này ta đã có một cái nhìn tổng quan về giá trị cảnh quan thiên nhiên cũng như lịch sử của khu di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc. Đây chính là cơ sở quan trọng để có thể xây dựng hàm cầu về du lịch tại khu vực này.

2. Sử dụng phương pháp Chi phí du lịch để đánh giá chất lượng môi trường tại khu di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc:

2.1 Sử dụng ZTCM để đánh giá chất lượng môi trường tại khu di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc:

Với phương pháp Chi phí du lịch ta có thể tiếp cận theo hai hướng đó là theo chi phí cá nhân (Individual Travel Cost Method – ITCM) và theo vùng (Zonal Travel Cost Method – ZTCM). Tuy nhiên, với khu di tích Côn Sơn, khi đánh giá không nên sử dụng cách tiếp cận theo chi phí cá nhân vì đây không phải là nơi mà du khách đến nhiều lần trong một năm như các công viên hay vườn Bách Thảo,... Hơn nữa, đánh giá theo phương pháp ZTCM là phù hợp với điều kiện của một đất nước đang phát triển như Việt Nam, khi mà không phải đa số người dân đều có khả năng đi du lịch nhiều lần trong một năm.

2.2 Xây dựng hàm cầu du lịch cho khu di tích lịch sử Côn Sơn – Kiếp Bạc:

a, Mẫu điều tra:

Do tính chất của cuộc điều tra nhỏ và giới hạn về mặt thời gian nên chúng tôi chỉ sử dụng 50 phiếu điều tra trong đó có 42 phiếu hợp lệ và có thể cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết cho việc xây dựng hàm cầu du lịch ở đây. Ta có được bảng thống kê về khách du lịch như sau:

Bảng 2: Đặc điểm của du khách được điều tra

Đặc điểm	Tần số	Phần trăm
Giới tính		
Nam	13	30.95%
Nữ	29	69.05%
Tổng	42	100%
Độ tuổi		
<18	16	38.10%
18 - 55	11	26.19%
>55	15	35.71%
Tổng	42	100%
Trình độ học vấn		
Trên đại học	0	0%
Đại học	6	14.28%
Cao đẳng hoặc trung cấp	11	26.19%
THPT	16	38.10%
THCS	9	21.43%
Tổng	42	100%
Mức thu nhập (triệu VND/ người/ tháng		

<1.0	21	50%
1.0 - 2.0	8	19.05%
2.0 - 3.0	6	14.28%
>3.0	7	16.67%
Tổng	42	100%

Nguồn: Số liệu tính toán từ điều tra mẫu

Qua điều tra ta thấy được đặc điểm của các du khách đến với khu di tích lịch sử này tương đối đa dạng với nhiều trình độ khác nhau và ở các độ tuổi khác nhau. Tính phong phú này càng tạo điều kiện cho kết quả điều tra sát thực hơn.

b, Phân nhóm khách du lịch theo vùng:

Việc phân loại này căn cứ vào yếu tố khoảng cách. Những người sống cách điểm đánh giá cùng một khoảng cách thì có thể xếp vào cùng một nhóm do về cơ bản họ sẽ phải tốn chi phí đi lại tương đương nhau. Qua việc phỏng vấn thu thập thông tin có thể thấy được phần lớn khách du lịch đến từ các tỉnh phía Bắc như Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh,... Vì vậy ta có thể chia 42 khách được phỏng vấn thành 4 vùng như sau:

Bảng 3: Phân vùng xuất phát

Vùng	Tỉnh, thành phố	Khoảng cách (km)	Tổng số dân (1000 người)	Số lượng khách (theo mẫu)
1	Hà Nội	80	3216.7	12
2	Bắc Ninh, Bắc Giang	40	1604.1	18
3	Hải Phòng	60	1803.4	7
4	Quảng Ninh	120	1091.3	5

Nguồn: Số liệu tính toán từ điều tra mẫu và tổng cục thống kê năm 2006

Sau khi đã phân loại khách du lịch theo các vùng, chúng ta tiến hành tính chi phí du lịch của từng vùng.

c, Ước tính chi phí của một chuyến thăm quan khu di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc:

Ta có thể tính được chi phí này theo công thức đã nêu ở phần A:

$$P = e + f + ac + w(t_1 + t_2) + ct$$

Bây giờ ta có thể căn cứ vào các kết quả phỏng vấn và mức giá chi trả tại khu du lịch để tính mức chi phí mà khách du lịch phải trả cho từng dịch vụ ở đây.

► *Chi phí vé vào cửa (e) :*

Chi phí vé thăm quan là một loại lệ phí mà khách tham quan phải trả khi vào thăm một điểm du lịch. Tại khu di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc hiện nay mức vé vào cổng được áp dụng đối với tất cả mọi đối tượng khách tham quan là 7000đ cho 1 người.

► *Chi phí ăn ở (f + ac) :*

Đây là khoản chi phí mà khách du lịch phải bỏ ra để ăn uống, nghỉ ngơi trong suốt khoảng thời gian lưu trú tại khu du lịch. Khách du lịch có thể ăn tại các quán cơm bình dân với mức giá từ 10.000đ đến 20.000đ một bữa. Và tất nhiên là giá trị của bữa ăn sẽ càng cao nếu ăn ở các khách sạn, nhà hàng đầy đủ tiện nghi hơn. Ví dụ giá thấp nhất cho 1 suất ăn ở Khách sạn hồ Côn Sơn là 50.000đ. Căn cứ vào các phiếu điều tra cho thấy du khách chủ yếu đến đây nghỉ ngơi trong vòng một ngày do khu di tích này có một điểm thuận lợi là cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại rất thuận tiện, không quá xa các tỉnh, thành phố trung tâm. Số lượng khách lưu trú lại trong khoảng thời gian lâu hơn chủ yếu là ở vùng 1 và vùng 4.

Đối với chi phí nghỉ ngơi, chúng ta có thể tìm hiểu mức giá của một số khách sạn quanh vùng. Hầu hết các khách sạn đều có mức giá phòng tương đương nhau.

Đây là bảng giá phòng cho một ngày đêm của Khách sạn hồ Côn Sơn theo thông tin cung cấp từ Ban quản lý khu di tích :

Bảng 4 : Giá phòng nghỉ cho 1 ngày đêm tại Khách sạn Hồ Côn Sơn

Đơn giá phòng				
Khu A		Khu B		Khu C
VIP	Loại I	VIP	Loại I	
220.000đ	160.000đ	250.000đ	160.000đ	120.000đ

Vậy ta có được số liệu tổng hợp chi phí ăn uống, nghỉ ngơi của du khách được thể hiện ở bảng sau :

Bảng 5 : Chi phí ăn ở (f + ac)

Vùng	Chi phí ăn ở (VNĐ/ người)
1	286300
2	125000
3	156520
4	205000

Nguồn : Số liệu tính toán từ điều tra mẫu

► *Chi phí thời gian (chi phí cơ hội – OC)*

Việc có thể ước lượng chính xác mức chi phí thời gian là một vấn đề phức tạp vì không thể phân định được rõ ràng về lợi ích cá nhân của con người. Nếu con người dành thời gian để đi chơi, ngắm cảnh thì họ sẽ nhận được giá trị lớn về mặt tinh thần nhưng cùng với điều đó là mất đi một khoảng thời gian nhất định để dành cho các công việc khác. Để đơn giản hơn, người ta coi giá trị giải trí của một khách du lịch trong một đơn vị thời gian (1 ngày) được lượng hóa bằng thu nhập bình quân trong một ngày của họ.

Theo World Bank thống kê thu nhập bình quân một ngày của người Việt Nam là 37000VNĐ/ngày và mỗi ngày dành ra 8 tiếng để lao động tức là thu nhập 1 giờ sẽ là 4,625 VNĐ. Mức thu nhập này có thể được coi như nhau ở cả 4 vùng. Chi phí về thời gian bao gồm cả thời gian đi lại và thời gian lưu trú tại khu du lịch. Qua điều tra khảo sát ta có được bảng sau :

Bảng 6 : Chi phí về thời gian

Vùng	Chi phí thời gian (VNĐ/người)
1	65375
2	32375
3	32375
4	69875

Nguồn : Số liệu tính toán từ điều tra mẫu

► *Chi phí đi lại:*

Chi phí đi lại bao gồm chi phí du khách đi đến khu du lịch và chi phí đi lại tại khu đó. Khu di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc nằm ở vị trí có cơ sở hạ tầng giao thông đi lại tương đối tốt. Do vậy du khách tốn không quá nhiều cho việc chi phí cho việc tới đây để thưởng ngoạn. Hơn nữa, nằm trong quần thể khu di tích có rất nhiều cảnh quan cũng như đền chùa linh thiêng nên việc đi lại tại đây cũng không tạo thêm chi phí lớn. Hầu hết khách du lịch đến Côn Sơn bằng đường bộ với các phương tiện chủ yếu là ô tô và xe máy. Vì vậy chi phí này có thể được tính theo giá thuê các loại xe hợp đồng hay tính thông qua chi phí xăng dầu cho mỗi km đường đi. Vì vậy chi phí của du khách ở từng vùng có thể khác nhau. Ngoài ra ta còn có thể tính thêm chi phí của việc gửi xe khi đến khu di tích. Tại Côn Sơn – Kiếp Bạc, mức giá vé được tính như sau:

Xe đạp : 1000 VNĐ

Xe máy: 2000 VNĐ

Ô tô từ 10 – 20 chỗ: 20.000 VNĐ

Tổng hợp lại ta thu được bảng sau:

Bảng 7: Chi phí đi lại (ct)

Vùng	Chi phí đi lại (VNĐ/ người)
1	388665
2	169500
3	235700
4	420133

Nguồn: Số liệu tính toán từ điều tra mẫu

► *Tổng các chi phí:*

Tổng hợp các kết quả trên ta ước lượng được tổng chi phí bình quân cho một người đi tham quan tại khu di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 8: Tổng chi phí cho một chuyến đi

Vùng	Tổng chi phí (VNĐ/ người)
1	747340
2	333875
3	431595
4	702008

Nguồn: Số liệu tính toán từ điều tra mẫu

■ Từ các số liệu trên ta có thể tiến hành xây dựng hàm cầu du lịch cho khu di tích lịch sử Côn Sơn – Kiếp Bạc:

Mô hình hàm cầu: $VR_i = a + bTC_i$ ($i= 1,2,3,4$)

Trong đó: a, b là các hệ số cần ước lượng

VR_i là tỷ lệ số lần tham quan/1000 người/ năm

TC_i là chi phí trung bình/ người/ chuyến của vùng i

Bảng 9: Số lượng tham quan mỗi vùng trong một năm

Vùng	Số lượng khách (theo mẫu)	Tỷ lệ (%)	Số lượt khách đến/ 1 năm (1000 người)
1	12	28.57%	400
2	18	42.86%	600
3	7	16.67%	233
4	5	11.90%	167
Tổng	42	100%	

Nguồn: Số liệu tính toán từ điều tra mẫu

Bảng 10: Tỷ lệ tham quan/ 1000 dân/ 1 năm của mỗi vùng

Vùng	Số lượt khách đến/ 1 năm	Tổng số dân (1000 người)	VR (‰)
1	400	3216.7	1.243
2	600	1604.1	3.740
3	233	1803.4	1.292
4	167	1091.3	1.53

Nguồn: Số liệu tính toán từ điều tra mẫu

Ta có giá trị VR_i và TC_i được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 10: Giá trị VR_i và TC_i tại các vùng

Vùng	VR_i (‰)	TC_i (VNĐ)
------	------------	--------------

1	1.243	747340
2	3.740	333875
3	1.292	431595
4	1.53	702008

Nguồn: Số liệu tính toán từ điều tra mẫu

Dùng phương pháp hồi quy thống kê bằng hàm Regression Analysis (Excel) ta thu được kết quả như sau:

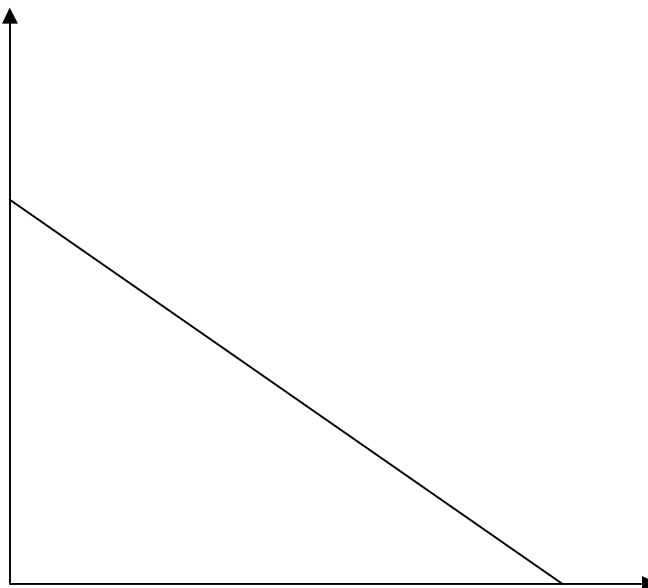
$$a = 4.26$$

$$b = -4.2 \cdot 10^{-6}$$

Vậy hàm cầu có dạng:

$$VR = 4.26 - 4.2 \cdot 10^{-6} TC$$

Đồ thị của hàm cầu này:



Nhìn vào đồ thị ta thấy lợi ích mà mỗi khách nhận được là diện tích phần được giới hạn bởi trục tung, trục hoành và đường cầu.

$$\text{Diện tích} = \frac{1}{2} \times 4.26 \times 1.0142 \times 10^6 = 2160246 \text{ (VNĐ/người)}$$

Vậy ta có thể tính toán được lợi ích của một khách du lịch là 2160246 (VNĐ/người) và từ đó suy ra lợi ích do khu di tích đem lại.

3. Kết quả thu được:

Sau quá trình thực hiện điều tra, nghiên cứu và tính toán đã xác lập được hàm cầu cho khu di tích lịch sử Côn Sơn – Kiếp Bạc. Trên cơ sở đó đã tính được tổng lợi ích mà cá nhân nhận được từ khu du lịch này. Qua đó nó cũng làm rõ thêm giá trị của tài nguyên môi trường, khuyến khích con người có ý thức bảo vệ và gìn giữ vẻ đẹp của tự nhiên.

C. Kết luận:

Ngày nay, khi xã hội càng phát triển, đời sống của con người ngày càng được nâng cao thì nhu cầu của họ cũng lớn dần lên. Cũng chính vì vậy mà con người đang ngày càng tác động nhiều hơn đến môi trường, đến nguồn tài nguyên thiên nhiên để phục vụ cho nhu cầu của mình. Vấn đề bảo vệ môi trường vì thế càng trở nên cấp thiết hơn. Nếu con người sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách thoải mái, không có kế hoạch, không có ý thức gìn giữ thì chính môi trường sẽ có những tác động xấu ngược trở lại đối với con người như thiên tai, lũ lụt, hạn hán,... Một trong những nguyên nhân lớn nhất dẫn tới điều đó là con người không đánh giá được hết giá trị của chất lượng môi trường. Đề tài “Đánh giá giá trị chất lượng môi trường ở khu di tích lịch sử Côn Sơn – Kiếp Bạc thông qua phương pháp TCM” được đưa ra nhằm mục đích đánh giá đúng các giá trị môi trường, xây dựng mô hình cầu đối với du lịch để từ đó xác định được giá trị kinh tế của khu di tích.

D. Những khó khăn trong việc thực hiện đánh giá ở Côn Sơn:

- Mẫu điều tra có hạn.

- Nhiều loại chi phí khi khách du lịch mua sắm đồ hay sử dụng nhiều dịch vụ khác mà không thể tính toán hết được.

* Đề xuất giải pháp khắc phục:

- Mở rộng phạm vi điều tra.

- Cố gắng xác định đầy đủ hơn các chi phí.

- Quan tâm vấn đề tính toán chi phí đi lại của khách.